CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI
DN: C=VN, L=GIA LAI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5901046432, E=HUYENNHUNG90PLEIKU@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-10-30 18:18:37
Foxit Reader Version: 9.4.1

HAGL Group
International Investment

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Quý III năm 2026

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 35

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 9 năm 2026

Ngàn VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**5.996.242.061**	**4.761.897.997**
110	***I. Tiền***		***17.112.993***	***2.870.177***
111	1. Tiền	4.1	17.112.993	2.870.177
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***2.488.050.440***	***1.809.696.182***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	5	2.488.050.440	1.809.696.182
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***2.221.549.778***	***2.818.923.107***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	379.865.950	417.750.366
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	799.620.839	273.032.186
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.042.062.989	2.128.140.555
140	***IV. Hàng tồn kho***		***83.095.684***	***112.099.302***
141	1. Hàng tồn kho	9	83.095.684	112.099.302
160	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***1.186.433.166***	***18.309.229***
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	10	66.758	288.277
162	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	11	47.324.070	18.016.571
163	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	11	13.219	4.381
165	4. Tài sản ngắn hạn khác	4.2	1.139.029.119	-
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.160.674.724**	**1.980.713.590**
220	***I. Tài sản cố định***		***41.006.323***	***44.952.203***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	41.006.323	44.952.203
222	Nguyên giá		67.288.023	67.288.023
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(26.281.700)	(22.335.820)
250	***II. Tài sản dở dang dài hạn***		***486.512***	***-***
252	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		486.512	-
260	***III. Đầu tư tài chính dài hạn***		***2.116.287.230***	***1.932.507.000***
261	1. Đầu tư vào công ty con	13	1.617.266.000	1.617.266.000
263	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14	316.391.000	316.391.000
264	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14	(1.150.000)	(1.150.000)
265	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	5	183.780.230	-
270	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***2.894.659***	***3.254.387***
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	10	2.894.659	3.254.387
280	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**8.156.916.785**	**6.742.611.587**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2026

Ngàn VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**6.315.553.370**	**5.273.576.507**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***4.462.864.943***	***2.784.428.798***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	255.822.648	542.774.554
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	507.009.042	103.478.410
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	11	6.913.268	6.138
315	4. Phải trả người lao động		845.089	751.026
316	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	34.321.194	28.724.391
320	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.458.742.870	118.026.220
321	7. Vay ngắn hạn	19	2.199.210.832	1.990.668.059
330	***II. Nợ dài hạn***		***1.852.688.427***	***2.489.147.709***
334	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	78.198.446	50.706.125
338	2. Phải trả dài hạn khác	18	148.216.981	1.038.773.927
339	3. Vay dài hạn	19	1.626.273.000	1.399.667.657
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.841.363.415**	**1.469.035.080**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	20	1.685.000.000	1.685.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.685.000.000*	*1.685.000.000*
412	2. Thặng dư vốn	20	(9.900.423)	-
420	3. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối	20	166.263.838	(215.964.920)
420a	*- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước*		*(215.964.920)*	*(410.192.808)*
420b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*382.228.758*	*194.227.888*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**8.156.916.785**	**6.742.611.587**

Trần Bửu Kiều	Nguyễn Đình Tình	Võ Thị Mỹ Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2026

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026 (Quý III năm 2026)*	*Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026 ("Kỳ này")*	*Cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("Kỳ trước")*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**21.1**	**462.905.357**	**1.496.279.998**	**282.192.691**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**21.1**	**1.717.701**	**14.860.349**	**4.903.354**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**	**21.1**	**461.187.656**	**1.481.419.649**	**277.289.337**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**22**	**381.111.776**	**1.243.137.511**	**243.487.487**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)**		**80.075.880**	**238.282.138**	**33.801.850**
22	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**21.2**	**64.663.256**	**650.717.105**	**52.561.799**
23	**7. Chi phí tài chính**	**23**	**146.597.764**	**294.349.919**	**36.027.419**
24	*Trong đó: Chi phí đi vay*		*104.870.810*	*269.924.522*	*35.376.970*
25	**8. Chi phí bán hàng**	**24**	**59.910.030**	**181.525.427**	**35.839.485**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**24**	**4.253.965**	**10.123.429**	**(182.601.583)**
30	**10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 25 + 26)}**		**(66.022.623)**	**403.000.468**	**197.098.328**

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026 (Quý III năm 2026)*	*Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026 ("Kỳ này")*	*Cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("Kỳ trước")*
31	**11. Thu nhập khác**	**25**	**161.505**	**551.932**	**282.112**
32	**12. Chi phí khác**	**25**	**1.391.004**	**7.342.170**	**3.152.552**
40	**13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)**	**25**	**(1.229.499)**	**(6.790.238)**	**(2.870.440)**
50	**14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**		**(67.252.122)**	**396.210.230**	**194.227.888**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**26.1**	**6.330.715**	**13.981.472**	**-**
60	**16. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)**		**(73.582.837)**	**382.228.758**	**194.227.888**

Trần Bửu Kiều
Người lập

Nguyễn Đình Tình
Kế toán trưởng

Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2026

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026 ("Kỳ này")*	*Cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("Kỳ trước")*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**396.210.230**	**194.227.888**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	12	3.945.880	642.009
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(183.538.764)
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		24.228.504	(4.870.550)
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(650.290.884)	(41.654.166)
06	Chi phí đi vay	23	269.924.522	35.376.970
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**44.018.252**	**183.387**
09	Tăng các khoản phải thu		(834.072.194)	(116.865.567)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		29.003.618	(11.383.863)
11	Tăng các khoản phải trả		552.164.425	393.953.690
12	Giảm (tăng) chi phí chờ phân bổ		581.247	(2.397.160)
14	Chi phí đi vay đã trả		(230.034.403)	(26.455.524)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.150.290)	-
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh**		**(445.489.345)**	**237.034.963**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(478.158)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		-	979.112.583
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.344.469.500)
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		26.489.981	657.883
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**26.011.823**	**(364.699.034)**

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026 ("Kỳ này")*	*Cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("Kỳ trước")*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		4.783.772.520	226.311.046
34	Tiền trả nợ gốc vay		(4.350.052.182)	(215.973.613)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**433.720.338**	**10.337.433**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**14.242.816**	**(117.326.638)**
60	**Tiền đầu kỳ**	**4.1**	**2.870.177**	**120.196.815**
70	**Tiền cuối kỳ**	**4.1**	**17.112.993**	**2.870.177**

Trần Bửu Kiều	Nguyễn Đình Tình	Võ Thị Mỹ Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 10 năm 2026

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 5901046432, do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 10 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025, Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 18 tháng 11 năm 2025.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp và năm (5) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Tên công ty	*Trụ sở*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*
Công ty con				
(1) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(3) Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(4) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang	Champasak, Lào	Trước hoạt động *(i)*	100,00	100,00
(5) Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00	99,00
(6) Công ty TNHH Phát triển Nông và Lâm nghiệp Sanamxay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	90,32	90,32
(7) Công ty TNHH MTV Phát triển Nóng và Lâm nghiệp Saysettha	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	90,32	90,32

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh vào ngày 30 tháng 9 năm 2026.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là kinh doanh cây ăn trái, vật tư, máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; và dịch vụ nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 là 49 (Ngày 31 tháng 12 năm 2025: 38).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày trong *Thuyết minh số 1* và *Thuyết minh số 13*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 30 tháng 9 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ báo cáo*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025, Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai) đã chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần. Vì vậy, theo quy định hiện hành về việc lập và trình bày báo cáo tài chính khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, kỳ kế toán đầu tiên của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.6 Thông tin so sánh

Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần vào ngày 18 tháng 11 năm 2025 theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp.

Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 (là ngày đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Theo đó, dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại do khác biệt về kỳ báo cáo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Thông tư 99 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này, Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99 trong báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại *Thuyết minh số 28*.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

3.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, các khoản cho vay, và các công cụ tài chính khác có bản chất tương tự. Công ty theo dõi chi tiết từng khoản đầu tư theo từng đối tượng phát hành, kỳ hạn và loại tiền tệ, và phân loại các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn vào tài sản ngắn hạn hoặc tài sản dài hạn dựa trên kỳ hạn còn lại tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu từ lãi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích, phù hợp với thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế của từng khoản đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá cuối kỳ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khi có bằng chứng khách quan cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị. Mức dự phòng được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và giá trị có thể thu hồi ước tính tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản trích lập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính, khi nguyên nhân dẫn đến việc trích lập dự phòng không còn, Công ty hoàn nhập phần dự phòng tương ứng và ghi giảm chi phí tài chính.

Khi khoản đầu tư đến ngày đáo hạn hoặc được thanh lý trước hạn, Công ty ghi giảm giá trị khoản đầu tư và ghi nhận lãi hoặc lỗ là phần chênh lệch giữa giá trị thuần thu được và giá trị ghi sổ (sau khi đã trừ dự phòng tổn thất, nếu có) tại thời điểm thanh lý.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị quản lý	5 - 24 năm

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

3.11 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hay dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- Các khoản chi phí trả trước khác.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.16 Vốn góp cổ phần

Cổ phần phổ thông

Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.17 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

4.1 *Tiền*

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Tiền gửi ngân hàng	11.906.006	2.837.715
Trong đó:		
Ngân hàng TMCP Phương Đông	*3.218.345*	*820.229*
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	*2.791.689*	*1.021.955*
Ngân hàng TMCP Quân Đội	*1.830.443*	*390.827*
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	*69.096*	*208.169*
Ngân hàng khác	*3.996.433*	*396.535*
Tiền đang chuyển	5.202.705	-
Tiền mặt	4.282	32.462
TỔNG CỘNG	**17.112.993**	**2.870.177**

4. TIỀN (tiếp theo)

4.2 *Tài sản ngắn hạn khác*

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Tiền gửi ngân hàng		
Trong đó:		
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Trung tâm kinh doanh Hội sở (*)	*1.139.029.119*	-
TỔNG CỘNG	**1.139.029.119**	-

(*) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tiền gửi không kỳ hạn mở tại Ngân hàng TMCP Phương Đông ("OCB") - Trung tâm kinh doanh Hội sở của Công ty, thuộc tài khoản phong tỏa nhận tiền từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định của pháp luật. Vào ngày 6 tháng 10 năm 2026, Ủy Ban Chứng khoán nhà nước đã có văn bản số 9917/UBCK-QLCB xác nhận việc nhận tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Theo đó, vào ngày 7 tháng 10 năm 2026, Công ty đã gửi Công văn số 10/26/CV-HGI cho OCB - Trung tâm kinh doanh Hội sở đề nghị mở phong tỏa tài khoản và được giải tỏa tài khoản vào cùng ngày.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)*
Ngắn hạn		
Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ("HTKD")	1.178.000.000	1.178.000.000
Cho vay tổ chức, cá nhân	1.124.182.229	543.173.022
Trong đó:		
- *Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng*	*1.115.132.223*	*16.692.897*
- *Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai*	*9.035.806*	*526.465.925*
- *Các bên khác*	*14.200*	*14.200*
Lãi từ Hợp đồng HTKD	114.779.771	39.921.384
Lãi cho vay các tổ chức, cá nhân	71.088.440	48.601.776
	2.488.050.440	**1.809.696.182**
Dài hạn		
Cho vay tổ chức, cá nhân	173.852.314	-
Trong đó:		
- *Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay*	*173.852.314*	-
Lãi cho vay các tổ chức, cá nhân	9.927.916	-
	183.780.230	-
TỔNG CỘNG	**2.671.830.670**	**1.809.696.182**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn các bên liên quan là 2.487.969.464 ngàn VND và các khoản phải thu dài hạn các bên liên quan là 183.780.230 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 *(Thuyết minh số 27)*.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 27)*	307.321.319	318.521.826
Phải thu các bên khác	72.544.631	99.228.540
Trong đó:		
- *Công ty Cổ phần Cá nước ngọt Gia Lai*	*40.046.901*	*33.150.947*
- *Khác*	*32.497.730*	*66.077.593*
TỔNG CỘNG	**379.865.950**	**417.750.366**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 27)*	784.986.310	257.680.881
Trả trước cho các bên khác	14.634.529	15.351.305
Trong đó:		
- *Công ty Cổ phần Nông nghiệp Đăk Ram*	*9.997.814*	*-*
- *Công ty TNHH Cơ khí ST*	*-*	*3.803.223*
- *Khác*	*4.636.715*	*11.548.082*
TỔNG CỘNG	**799.620.839**	**273.032.186**

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)*
Phải thu cổ tức từ bên liên quan	696.940.000	246.940.000
Cấn trừ công nợ	344.127.342	1.880.108.846
Phải thu khác	995.647	1.091.709
TỔNG CỘNG	**1.042.062.989**	**2.128.140.555**

Phải thu khác bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 1.038.769.357 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 *(Thuyết minh số 27)*.

9. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Hàng hóa	82.199.618	111.123.274
Nguyên vật liệu	896.066	976.028
TỔNG CỘNG	**83.095.684**	**112.099.302**

10. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Ngắn hạn		
Chi phí cải tạo, sửa chữa	32.841	154.939
Công cụ, dụng cụ	23.118	127.514
Khác	10.799	5.824
	66.758	**288.277**
Dài hạn		
Chi phí cải tạo, sửa chữa	2.376.379	2.649.598
Công cụ, dụng cụ	497.348	584.771
Khác	20.932	20.018
	2.894.659	**3.254.387**
TỔNG CỘNG	**2.961.417**	**3.542.664**

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2026*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	18.016.571	195.399.167	(166.091.668)	47.324.070
Thuế khác	4.381	2.539.378	(2.530.540)	13.219
TỔNG CỘNG	**18.020.952**	**197.938.545**	**(168.622.208)**	**47.337.289**
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	166.715.715	(166.715.715)	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.138	909.724	(833.775)	82.087
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.981.472	(7.150.291)	6.831.181
Thuế khác	-	3.122.304	(3.122.304)	-
TỔNG CỘNG	**6.138**	**184.729.215**	**(177.822.085)**	**6.913.268**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Thiết bị quản lý*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 30 tháng 9 năm 2026	36.122.524	29.898.591	1.159.075	107.833	67.288.023
Giá trị khấu hao lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(10.574.553)	(10.776.526)	(900.909)	(83.832)	(22.335.820)
Khấu hao trong kỳ	(1.887.719)	(1.930.739)	(122.022)	(5.400)	(3.945.880)
Ngày 30 tháng 9 năm 2026	(12.462.272)	(12.707.265)	(1.022.931)	(89.232)	(26.281.700)
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	25.547.971	19.122.065	258.166	24.001	44.952.203
Ngày 30 tháng 9 năm 2026	23.660.252	17.191.326	136.144	18.601	41.006.323

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	1.344.469.500	1.344.469.500
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	272.796.500	272.796.500
TỔNG CỘNG	**1.617.266.000**	**1.617.266.000**

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là "Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang")	226.480.000	226.480.000
Công ty Cổ phần Lê Me	88.761.000	88.761.000
Công ty Cổ phần Thể Thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	1.150.000	1.150.000
TỔNG CỘNG	**316.391.000**	**316.391.000**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.150.000)	(1.150.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	**315.241.000**	**315.241.000**

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 27)*	22.465.205	33.530.939
Phải trả cho các bên khác	233.357.443	509.243.615
Trong đó:		
- *Công ty Cổ phần Thương Mại Đầu tư Phát triển Do Holdings*	*133.493.081*	*369.839.158*
- *Phải trả các bên khác*	*99.864.362*	*139.404.457*
TỔNG CỘNG	**255.822.648**	**542.774.554**

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Nhận ứng trước từ bên liên quan *(Thuyết minh số 27)*	499.204.495	96.055.527
Nhận ứng trước từ các bên khác	7.804.547	7.422.883
Trong đó:		
- *Công ty TNHH Thực phẩm Zhengzhou Taiwang*	*2.233.325*	*2.233.325*
- *Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Dalian Jiaxinmiao*	*2.090.240*	*-*
- *Khác*	*3.480.982*	*5.189.558*
TỔNG CỘNG	**507.009.042**	**103.478.410**

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngàn VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	30.335.932	26.121.696
Chi phí hoạt động	3.985.262	2.602.695
	34.321.194	**28.724.391**
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	78.198.446	50.706.125
TỔNG CỘNG	**112.519.640**	**79.430.516**
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	*90.242.411*	*58.584.034*
- *Ngắn hạn*	*12.792.421*	*10.590.800*
- *Dài hạn*	*77.449.990*	*47.993.234*
Phải trả các bên khác	*22.277.229*	*20.846.482*

18. PHẢI TRẢ KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Ngắn hạn		
Nhận góp vốn từ chào bán cổ phiếu *(*)*	1.139.029.119	-
Tiền mượn các công ty và cá nhân	312.407.315	110.366.486
Các khoản khác	7.306.436	7.659.734
	1.458.742.870	**118.026.220**
Dài hạn		
Tiền mượn các công ty	148.216.981	1.038.773.927
TỔNG CỘNG	**1.606.959.851**	**1.156.800.147**

Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả ngắn hạn các bên liên quan là 312.407.315 ngàn VND và các khoản phải trả dài hạn các bên liên quan là 146.016.560 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 *(Thuyết minh số 27)*.

(*) Số dư này thể hiện số tiền nhận từ các nhà đầu tư trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01B/NQ-ĐHĐCĐ/HGI.26 ngày 16 tháng 4 năm 2026. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, khoản tiền này được phong tỏa theo quy định của pháp luật *(Thuyết minh số 4.2)* và chưa được ghi nhận là vốn góp của chủ sở hữu theo quy định tại Thông tư 99. Vào ngày 8 tháng 10 năm 2026, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 do Sở Tài chính Gia Lai cấp phê duyệt tăng vốn cổ phần của Công ty từ 1.685.000.000 ngàn VND lên 1.873.000.000 ngàn VND; theo đó, số dư này đã được kết chuyển sang vốn góp chủ sở hữu vào cùng ngày.

19. VAY

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng *(Thuyết minh số 19.1)*	2.169.789.730	1.961.246.957
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả *(Thuyết minh số 27)*	29.421.102	29.421.102
	2.199.210.832	**1.990.668.059**
Dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước *(Thuyết minh số 19.2)*	988.760.000	987.332.223
Vay dài hạn từ bên liên quan *(Thuyết minh số 27)*	630.277.566	400.000.000
Vay dài hạn tổ chức, cá nhân khác	7.235.434	12.335.434
	1.626.273.000	**1.399.667.657**
TỔNG CỘNG	**3.825.483.832**	**3.390.335.716**

19. *VAY* (tiếp theo)

19.1 *Vay ngắn hạn ngân hàng*

Ngàn VND

Tên ngân hàng	*Ngày 30 tháng 9 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Trung tâm kinh doanh Hội sở	1.700.000.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	469.789.730	461.250.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	-	1.299.997.357
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Gia Lai	-	199.999.600
TỔNG CỘNG	**2.169.789.730**	**1.961.246.957**

19.2 *Trái phiếu thường trong nước*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	*Ngày phát hành*	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Ngày đáo hạn*
Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS ("OCBS")	Ngày 8 tháng 8 năm 2025	1.000.000.000	Ngày 8 tháng 8 năm 2028
Chi phí phát hành trái phiếu		(11.240.000)	
TỔNG CỘNG		**988.760.000**	

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Ngàn VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*(Lỗ) lợi nhuận lũy kế*	*Tổng cộng*
Kỳ trước				
Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025	1.685.000.000	-	(410.192.808)	1.274.807.192
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	194.227.888	194.227.888
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	1.685.000.000	-	(215.964.920)	1.469.035.080
Kỳ này				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	1.685.000.000	-	(215.964.920)	1.469.035.080
Chi phí chào bán, phát hành cổ phiếu	-	(9.900.423)	-	(9.900.423)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	382.228.758	382.228.758
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2026	1.685.000.000	(9.900.423)	166.263.838	1.841.363.415

21. DOANH THU

21.1 *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Ngàn VND

	Quý III năm 2026	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Doanh thu	**462.905.357**	**1.496.279.998**	**282.192.691**
Trong đó:			
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	*230.906.825*	*728.213.736*	*159.961.949*
Doanh thu trái cây	*218.545.117*	*703.125.353*	*100.005.479*
Doanh thu khác	*13.453.415*	*64.940.909*	*22.225.263*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(1.717.701)**	**(14.860.349)**	**(4.903.354)**
Giảm giá hàng bán	*(1.717.701)*	*(14.860.349)*	*(4.903.354)*
Doanh thu thuần	**461.187.656**	**1.481.419.649**	**277.289.337**
Trong đó:			
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	*230.906.825*	*728.213.736*	*159.961.949*
Doanh thu trái cây	*216.827.416*	*688.265.004*	*95.102.126*
Doanh thu khác	*13.453.415*	*64.940.909*	*22.225.263*

21.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Ngàn VND

	Quý III năm 2026	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Lợi nhuận được chia	-	450.000.000	-
Lãi từ hợp đồng HTKD	34.145.863	101.324.137	16.330.630
Lãi cho vay các công ty khác	30.432.312	98.942.516	25.320.024
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	73.388	426.221	10.907.634
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.693	24.231	3.511
TỔNG CỘNG	**64.663.256**	**650.717.105**	**52.561.799**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Ngàn VND

	Quý III năm 2026	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Giá vốn bán sản phẩm, hàng hóa	206.274.465	656.161.144	151.981.298
Giá vốn trái cây	162.755.291	527.803.665	66.833.188
Giá vốn khác	12.082.020	59.172.702	24.673.001
TỔNG CỘNG	**381.111.776**	**1.243.137.511**	**243.487.487**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VND

	Quý III năm 2026	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Chi phí đi vay	104.870.810	269.924.522	35.376.970
Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái	41.726.954	24.425.397	90.787
Các khoản khác	-	-	559.662
TỔNG CỘNG	**146.597.764**	**294.349.919**	**36.027.419**

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngàn VND

	Quý III năm 2026	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Chi phí bán hàng			
Chi phí vận chuyển	27.207.904	91.304.526	12.491.623
Chi phí vật tư, bao bì, đóng gói	17.613.736	44.019.433	12.170.350
Chi dịch vụ mua ngoài	12.240.525	37.980.282	9.871.911
Chi phí lương nhân viên	1.556.071	4.280.885	658.672
Chi phí khấu hao	1.042.214	3.150.266	514.923
Chi phí khác	249.580	790.035	132.006
	59.910.030	181.525.427	35.839.485
Chi phí quản lý doanh nghiệp			
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.952.982	6.337.363	270.784
Chi phí lương nhân viên	1.240.725	3.614.154	564.020
Hoàn nhập dự phòng	-	-	(183.538.764)
Chi phí khác	60.258	171.912	102.377
	4.253.965	10.123.429	(182.601.583)
TỔNG CỘNG	**64.163.995**	**191.648.856**	**(146.762.098)**

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VND

	Quý III năm 2026	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Thu nhập khác			
Thu nhập từ bán phế liệu	161.505	161.505	282.112
Khác	-	390.427	-
	161.505	**551.932**	**282.112**
Chi phí khác			
Lỗ do thanh lý tài sản	-	2.394.098	-
Các khoản phạt	168.720	1.408.526	8.931
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	-	-	144.646
Khác	1.222.284	3.539.546	2.998.975
	1.391.004	**7.342.170**	**3.152.552**
LỖ KHÁC THUẦN	**(1.229.499)**	**(6.790.238)**	**(2.870.440)**

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Ngàn VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**396.210.230**	**194.227.888**
Các khoản điều chỉnh (giảm) tăng lợi nhuận kế toán trước thuế		
Lợi nhuận từ công ty con	(450.000.000)	-
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	4.107.088	3.004.267
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.228.504	(4.870.550)
Chi phí lãi vay chưa được trừ kỳ trước chuyển sang	-	(63.716.138)
Mức trần chi phí lãi vay	59.610.089	-
Các khoản khác	-	(7.168.188)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(121.477.279)
Thu nhập chịu thuế ước tính	**34.155.911**	**-**
Thuế TNDN hiện hành ước tính	**6.831.182**	**-**
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	**7.150.290**	**-**
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	**13.981.472**	**-**
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(7.150.291)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	**6.831.181**	**-**

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ này và tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG")	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng")	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Phát Triển Nông nghiệp Souk Houng Heang ("Souk Houng")	Công ty con gián tiếp *(từ ngày 1 tháng 6 năm 2025)*
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay ("Khăn Xay")	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven ("Bolaven")	Công ty con gián tiếp
Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Nguyên vật liệu")	Chi nhánh của công ty mẹ
Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Cơ khí")	Chi nhánh của công ty mẹ
Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Chế biến Hoa quả")	Chi nhánh của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy sản Cá tầm Bolaven ("Thủy sản Cá tầm")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cá tầm Bolaven Paksong ("Cá tầm Paksong")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Mang Yang ("Mang Yang")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai ("Cà phê HAGL") *(trước đây là Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang)*	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai ("Thể thao LPBank HAGL")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì ("Bột mì")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá ("Trà Bá")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu ("Hoàn Thịnh")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên ("Nông nghiệp Tây Nguyên")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Đông Gia Lai ("Đông Gia Lai")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn *(đến ngày 1 tháng 1 năm 2026)*
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang ("Bao bì Linh Khang")	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT *(từ ngày 19 tháng 11 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Đầu tư Dâu tằm tơ Hoàng Anh Gia Lai ("Dâu tằm tơ HAGL")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ này và tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên HĐQT *(đến ngày 16 tháng 4 năm 2026)*
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên HĐQT
Bà Hà Kiết Trân	Thành viên HĐQT *(từ ngày 16 tháng 4 năm 2026*
Bà Nguyễn Thị Mơ	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Trương Y Trâm	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Duy Lâm	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Giám đốc
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Phó Giám đốc
Bà Lâm Thị Kiều Chinh	Phó Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai ("Phú Quý")	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp và Lâm nghiệp Sanamxay	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông và Lâm nghiệp Saysettha ("Saysettha")	Công ty con gián tiếp

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Ngàn VND

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số tiền*
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cấn trừ công nợ	1.063.444.009
		Vay	434.673.566
		Bán hàng hóa	223.642.564
		Trả gốc vay	204.396.000
		Mua hàng hóa	198.985.476
		Lãi từ HTKD	25.374.041
		Nhận tiền lãi từ HTKD	6.627.670
		Chi phí lãi vay	6.494.838
Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Trả tiền mượn	1.005.748.906
		Mượn	257.187.121
		Thu tiền cho mượn	95.440.000
		Cho mượn	83.800.000
		Cấn trừ công nợ	42.101.000
		Chi phí lãi vay	22.961.918
		Bán hàng hóa	5.528.168
		Cung cấp dịch vụ	506.416
		Mua dịch vụ	41.584
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	88.064.550
		Mua hàng hóa	17.941.926
		Cung cấp dịch vụ	7.926.792
		Cấn trừ công nợ	146.530

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số tiền*
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Lợi nhuận được chia	450.000.000
		Mua hàng hóa	95.356.492
		Bán hàng hóa	81.378.807
		Lãi cho vay	64.064.860
		Cấn trừ công nợ	1.037.974
		Cung cấp dịch vụ	777.770
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	158.683.582
		Mua hàng hóa	109.402.456
		Lãi cho vay	10.004.200
		Cung cấp dịch vụ	1.460.017
		Cấn trừ công nợ	1.287.370
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Chi nhánh của công ty mẹ	Mua hàng hóa	5.861.094
		Bán hàng hóa	5.411.010
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mượn	947.818.076
		Cấn trừ công nợ	846.671.603
		Bán hàng hóa	107.854.287
		Trả tiền mượn	101.146.473
		Mua hàng hóa	52.221.644
		Lãi từ HTKD	28.040.466
		Nhận tiền lãi từ HTKD	7.324.138
		Cung cấp dịch vụ	3.130.498
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	27.076.039
		Mua hàng hóa	24.944.890
		Cung cấp dịch vụ	2.600
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con trực tiếp	Giảm khoản cho vay do cấn trừ	526.465.925
		Cấn trừ công nợ	323.494.678
		Thu tiền cho mượn	111.895.292
		Cho mượn	90.188.320
		Lãi từ HTKD	32.427.164
		Lãi cho vay	24.353.497
		Nhận tiền lãi từ HTKD	8.469.939
		Trả tiền mượn	2.500.000
		Chi phí lãi vay	2.200.537
Công ty Cổ phần Thủy sản Cá tầm Bolaven	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi từ HTKD	15.482.466
		Nhận tiền lãi từ HTKD	4.044.003
		Bán hàng hóa	1.072.052
Công ty TNHH MTV Cá Tầm Bolaven Paksong	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	2.936.547

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Ngàn VND* *Số tiền*
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	2.238.496.544
Công ty TNHH MTV PTNN Souk Houng Heang	Công ty con gián tiếp	Tăng cho vay từ cấn trừ	519.959
		Cho vay	9.057.756
Công ty Cổ phần Đầu tư Dâu tằm tơ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	7.726.210
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	65.874.093
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	200.559

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2026 như sau:

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Ngàn VND* *Số tiền*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn *(Thuyết minh số 5)*			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Cho vay	1.115.132.223
		Lãi cho vay	65.209.518
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con trực tiếp	HTKD	377.000.000
		Lãi hợp đồng HTKD	31.559.198
		Lãi cho vay	5.296.152
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	HTKD	326.000.000
		Lãi hợp đồng HTKD	34.461.821
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	HTKD	295.000.000
		Lãi hợp đồng HTKD	32.037.535
Công ty Cổ phần Thủy Sản Cá Tầm Bolaven	Công ty trong cùng Tập đoàn	HTKD	180.000.000
		Lãi hợp đồng HTKD	16.721.217
Công ty TNHH MTV PTNN Souk Houng Heang	Công ty con gián tiếp	Cho vay	9.035.806
		Lãi cho vay	515.994
TỔNG CỘNG			**2.487.969.464**

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2026 như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Ngàn VND* *Số tiền*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn *(Thuyết minh số 5)*			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Cho vay	173.852.314
		Lãi cho vay	9.927.916
TỔNG CỘNG			**183.780.230**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng *(Thuyết minh số 6)*			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	184.256.050
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Bán hàng hóa	93.830.119
Công ty Cổ phần Đầu tư Dâu tằm tơ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	21.537.220
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	7.697.930
TỔNG CỘNG			**307.321.319**
Trả trước cho người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 7)*			
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn	Ứng trước tiền mua hàng hóa	408.200.283
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Ứng trước tiền mua hàng hóa	154.850.705
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty trong cùng Tập đoàn	Ứng trước tiền mua hàng hóa	132.807.154
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Ứng trước tiền mua hàng hóa	70.065.677
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	19.062.491
TỔNG CỘNG			**784.986.310**

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2026 như sau (tiếp theo):

Ngàn VND

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số tiền*
***Phải thu ngắn hạn khác** (Thuyết minh số 8)*			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Phải thu cổ tức	696.940.000
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cấn trừ công nợ	245.694.312
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con trực tiếp	Cho mượn	75.726.320
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn	Cấn trừ công nợ	20.408.725
TỔNG CỘNG			**1.038.769.357**
***Phải trả người bán ngắn hạn** (Thuyết minh số 15)*			
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	20.941.966
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Chi nhánh của công ty mẹ	Mua hàng hóa	1.523.239
TỔNG CỘNG			**22.465.205**
***Người mua trả tiền trước ngắn hạn** (Thuyết minh số 16)*			
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Tạm ứng mua hàng hóa	370.191.716
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	Công ty trong cùng Tập đoàn	Tạm ứng mua hàng hóa	97.606.895
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Tạm ứng mua hàng hóa	20.879.016
Chi Nhánh Cơ Khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Chi nhánh của Công ty mẹ	Tạm ứng mua hàng hóa	10.526.868
TỔNG CỘNG			**499.204.495**
***Chi phí phải trả ngắn hạn** (Thuyết minh số 17)*			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con trực tiếp	Chi phí lãi vay	12.787.987
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí khác	4.434
TỔNG CỘNG			**12.792.421**

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2026 như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Ngàn VND* *Số tiền*
Chi phí phải trả dài hạn *(Thuyết minh số 17)*			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	70.955.152
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi phí lãi vay	6.494.838
TỔNG CỘNG			**77.449.990**
Phải trả ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 18)*			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cấn trừ công nợ	157.137.518
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con trực tiếp	Cấn trừ công nợ	143.473.963
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông và Lâm nghiệp Saysettha	Công ty con gián tiếp	Cấn trừ công nợ	11.795.834
TỔNG CỘNG			**312.407.315**
Phải trả dài hạn khác *(Thuyết minh số 18)*			
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cấn trừ công nợ	146.016.560
Vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 19)*			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con trực tiếp	Vay	29.421.102
Vay dài hạn *(Thuyết minh số 19)*			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay	400.000.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Vay	230.277.566
TỔNG CỘNG			**630.277.566**

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

Ngàn VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập (*)*
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	216.000
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT/Giám đốc	144.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT	144.000
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên HĐQT	144.000
Bà Hà Kiết Trân	Thành viên HĐQT *(từ ngày 16 tháng 4 năm 2026)*	90.000
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên HĐQT *(đến ngày 16 tháng 4 năm 2026)*	54.000
Bà Nguyễn Thị Mơ	Trưởng Ban Kiểm soát	100.800
Bà Lê Trương Y Trâm	Thành viên Ban Kiểm soát	72.000
Ông Nguyễn Duy Lâm	Thành viên Ban Kiểm soát	72.000
Bà Lâm Thị Kiều Chinh	Phó Giám đốc	400.295
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Phó Giám đốc	347.772
TỔNG CỘNG		**1.784.867**

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

28. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ này. Chi tiết như sau:

Ngàn VND

TÀI SẢN	*Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)*	*Trình bày lại*	*Số đầu năm (được trình bày lại)*
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG			
Phải thu cho vay ngắn hạn	543.173.022	(543.173.022)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	1.809.696.182	1.809.696.182
Phải thu ngắn hạn khác	3.394.663.715	(1.266.523.160)	2.128.140.555

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 6 tháng 10 năm 2026, Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") đã hoàn tất chào bán cổ phiếu lần đầu tiên ra công chúng với số lượng cổ phiếu phát hành thành công là 18.800.000 cổ phiếu, giá phát hành 60.600 VND/cổ phiếu và tổng số tiền thu về là 1.139.280.000 ngàn VND. Vào ngày 8 tháng 10 năm 2026, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 do Sở Tài chính Gia Lai cấp phê duyệt tăng vốn cổ phần của Công ty lên 1.873.000.000 ngàn VND. Theo Công văn số 10095/UBCK-GDĐC ký ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Ủy Ban chứng khoán nhà nước, Công ty đã trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 6 tháng 10 năm 2026.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Trần Bửu Kiều	Nguyễn Đình Tình	Võ Thị Mỹ Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 10 năm 2026